

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 24- 9- 2025

V/v ly hôn, tranh chấp

về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình

2. Bà Trần Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gien Ny- Thư ký Tòa án nhân khu vực 8- Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hưng Yên tham gia phiên tòa:
ông Lê Thanh Tùng- Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Hồng Thịnh, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên

2. Bị đơn: anh Đào Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Hưng Yên

(Chị P và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Đào Văn T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 25/01/2018. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc chăm sóc con cái và làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh T. Chị và anh T có 03 con chung là Đào Khánh A, sinh ngày 25/01/2019; Đào Nhật

T1, sinh ngày 24/11/2020 và Đào Đức B, sinh ngày 08/01/2023. Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh T phải góp cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Đào Văn T tại biên bản lấy lời khai đã xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị P đã trình bày. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh không đồng ý ly hôn với chị P. Anh và chị P có 03 con chung như chị P đã khai. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh nhất trí để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung theo yêu cầu của chị P. Anh có quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị P được ly hôn anh T; về quan hệ con chung: xử giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Đào Khánh A, sinh ngày 25/01/2019; Đào Nhật T1, sinh ngày 24/11/2020 và Đào Đức B, sinh ngày 08/01/2023. Anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi 03 con chung do chị P không yêu cầu; về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị P xin ly hôn anh Đào Văn T; anh T có địa chỉ nơi cư trú tại xã N, tỉnh Hưng Yên, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đào Văn T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị P xin ly hôn, anh T mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt để tham gia phiên hòa giải, còn chị P đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải vì vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: chị P xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và anh T cũng nhất trí. Vì vậy, cần giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Đào Khánh A, sinh ngày 25/01/2019; Đào Nhật T1, sinh ngày 24/11/2020 và Đào Đức B, sinh ngày 08/01/2023. Anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi 03 con chung do chị P không yêu cầu là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: chị P và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đào Văn T.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Đào Khánh A, sinh ngày 25/01/2019; Đào Nhật T1, sinh ngày 24/11/2020 và Đào Đức B, sinh ngày 08/01/2023 cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định. Anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi 03 con chung cho chị P. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005775 ngày 14/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị P và anh Đào Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8- Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8 Hưng Yên;
- UBND xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng